

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH VỀ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. TRƯƠNG THỊ HOA*

Trong những năm qua, công tác *giáo dục hướng nghiệp* (GDHN) cho học sinh (HS) được các nhà giáo dục, các nhà quản lí, các nhà khoa học quan tâm với mục đích giúp các em lựa chọn được một nghề phù hợp với sức khỏe, năng lực, đặc điểm tâm sinh lí của bản thân cũng như phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương và xã hội.

Tuy nhiên, tại các trường phổ thông hiện nay, hoạt động GDHN cho HS chưa được thực hiện đồng bộ và có hệ thống do đội ngũ giáo viên (GV) không được đào tạo chính quy; thời gian dành cho các tiết học môn *Hoạt động GDHN* còn ít, nặng về hình thức... Vì vậy, HS chưa có những quyết định đúng đắn trong việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai; sự hiểu biết về nghề nghiệp cũng như những yêu cầu của nghề nghiệp lựa chọn còn hạn chế...

Nhằm tìm hiểu thực trạng GDHN tại các trường THPT khu vực Hà Nội, tháng 11/2012, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 2131 HS (ở cả 3 khối; mỗi khối điều tra 2 lớp) và 217 GV (trong đó: 1 GV giảng dạy môn *Hoạt động GDHN*; 23 GV giảng dạy môn *Công nghệ*; còn lại là GV giảng dạy các môn học khác) tại 4 trường THPT thuộc khu vực nội thành (Trần Phú, Phan Đình Phùng, Trần Nhân Tông, Nguyễn Gia Thiều) và 4 trường THPT thuộc khu vực ngoại thành (Cao Bá Quát, Vân Nội, Phú Xuyên A, Ngọc Tảo).

Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

1. Đánh giá về sự cần thiết của GDHN ở trường THPT

1) Đánh giá của GV. 100% GV đánh giá "rất cần thiết" và "cần thiết" của hoạt động GDHN ở trường phổ thông (67,28% và 32,72%); không có GV nào cho rằng GDHN "ít cần thiết" và "không cần thiết"; GV nội thành và GV ngoại thành đánh giá tương đương nhau. Qua phỏng vấn, GV đều cho rằng GDHN là cần thiết bởi giúp HS "định hướng, xác định việc chọn nghề phù hợp với bản thân từ đó xác định khối thi và trường thi"; "hiểu biết một số kiến thức nhất định về các ngành nghề để thuận tiện và lựa chọn chính xác nghề phù hợp với sở thích, khả năng sau khi tốt nghiệp THPT", "chọn nghề phù hợp"... và vì "hiện nay nhiều HS, sinh

viên ra trường không có việc làm; nhiều em phải làm trái nghề",...

2) Đánh giá của HS. Nhìn chung, HS đều nhận thức được sự cần thiết của GDHN trong nhà trường ("Rất cần thiết": 47,49%; "Cần thiết": 36,65%). Các em cho rằng GDHN giúp bản thân "định hướng được nghề nghiệp tương lai, biết đánh giá bản thân mình để chọn nghề phù hợp"; "có quyết định chính xác khi chọn nghề phù hợp"...

Ngoài ra, có 8,73% cho rằng GDHN là "ít cần thiết" và 7,13% nhận thấy "không cần thiết" vì "nghề nghiệp là sở thích của mỗi người do vậy không cần GDHN"; "HS đã biết tự định hướng nghề nghiệp của mình rồi"; "cách giảng dạy của các thầy cô không hiệu quả"; "HS không biết học hướng nghiệp để làm gì",...

Sự đánh giá của HS nội thành và HS ngoại thành về "sự cần thiết" tuy có sự khác nhau nhưng không đáng kể. Song đã có sự đánh giá khác nhau giữa HS khối 10, 11 và 12: HS khối 12 đánh giá GDHN là "rất cần thiết" và "cần thiết" cao hơn so với khối 11 và khối 10 (50,21% so với 48,28% và 47,49%). Lí do: HS lớp 12 coi việc định hướng nghề nghiệp là rất cần thiết khi các em sắp tốt nghiệp THPT, đang đứng trước sự lựa chọn nghề cho tương lai.

Như vậy, cả GV và HS đều nhận thức được sự cần thiết của GDHN trong trường THPT với ý nghĩa là giúp cho HS định hướng được ngành nghề trong tương lai một cách phù hợp nhất.

2. Đánh giá về mục tiêu GDHN cho HS THPT

Với câu hỏi: "*GDHN trong nhà trường đã đạt được những mục tiêu sau đây ở mức độ nào?*", chúng tôi thu được kết quả (xem *bảng 1*).

Bảng 1 cho thấy: GV đánh giá mức độ đạt mục tiêu GDHN ở trường THPT ở mức cao (ĐTB: 3,68).

So sánh kết quả đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của GDHN giữa GV nội thành và GV ngoại thành có sự khác biệt: GV nội thành đánh giá mức độ đạt mục tiêu cao hơn so với đánh giá của GV ngoại thành (ĐTB: 3,73 và 3,64). Tuy nhiên, khi xếp về thứ bậc

* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

Bảng 1. Đánh giá của GV về mục tiêu của GDHN

TT	Mục tiêu GDHN	Nội thành		Ngoại thành		Tổng số	
		\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB
1	HS hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai	4,33	1	4,37	1	4,35	1
2	HS hiểu được những tri thức về tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	3,30	9	3,31	9	3,31	9
3	HS hiểu được những tri thức về thế giới nghề nghiệp	3,91	3	3,91	3	3,91	4
4	HS biết được những thông tin cơ bản thị trường lao động của xã hội, của địa phương	3,17	10	3,09	10	3,13	10
5	HS biết được những thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo ở Việt Nam	3,81	5	3,53	5	3,67	5
6	HS tự đánh giá được năng lực của bản thân và điều kiện gia đình trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai	3,61	7	3,52	6	3,57	7
7	HS tìm kiếm được những thông tin về nghề và thông tin cơ sở đào tạo cần thiết cho bản thân trong việc chọn nghề	3,48	8	3,38	8	3,43	8
8	HS định hướng và lựa chọn được nghề nghiệp tương lai	4,13	2	3,78	4	3,95	2
9	HS chủ động và tự tin trong việc chọn nghề phù hợp	3,84	4	4,03	2	3,94	3
10	HS có hứng thú và khuyến khích chọn nghề đúng đắn	3,68	6	3,48	7	3,58	6
Tổng điểm trung bình (ĐTB)		3,73		3,64		3,68	

các mục tiêu có sự tương đương nhau, song nếu xét riêng từng mục tiêu thì có những mục tiêu được GV nội thành đánh giá cao hơn hẳn so với GV ngoại thành như "HS có hứng thú và khuyến khích chọn nghề đúng đắn" (ĐTB: 3,68 và 3,48); hoặc có mục tiêu mà GV ngoại thành lại đánh giá cao hơn so với GV nội thành (tuy không đáng kể) như: "HS chủ động và tự tin trong việc chọn nghề" (ĐTB: 4,03 và 3,84).

3. Đánh giá về việc thực hiện nội dung GDHN

1) Đánh giá của GV. Để đạt được những mục tiêu trên, công tác GDHN phải thực hiện những nội dung tương ứng. Với câu hỏi "Thầy cô đã thực hiện những nội dung GDHN sau đây ở mức độ nào?", chúng tôi thu được kết quả như sau (xem bảng 2).

Bảng 2 cho thấy: GV đã thực hiện đầy đủ những nội dung GDHN và đạt mức cao ($\bar{x} = 4,06$); mức độ thực hiện nội dung của GV nội thành cao hơn so với mức độ thực hiện nội dung của GV ngoại thành (tuy không đáng kể).

Qua dự giờ, chúng tôi cũng nhận thấy: GV đã cung cấp những kiến thức liên quan đến một số ngành

Bảng 2. Đánh giá của GV về mức độ thực hiện nội dung GDHN

TT	Nội dung GDHN	Nội thành		Ngoại thành		Tổng số	
		\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB
1	Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai	4,27	1	4,25	1	4,26	1
2	Các ngành, nghề trong xã hội	4,20	2	4,23	2	4,22	2
3	Những yêu cầu, đặc điểm của các ngành, nghề	4,18	3	4,22	3	4,20	3
4	Những thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng	4,17	4	4,20	4	4,19	4
5	Nhu cầu thị trường lao động của xã hội, địa phương	4,01	10	3,83	10	3,92	10
6	Tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	4,03	9	3,89	9	3,96	9
7	Tìm hiểu đặc điểm sinh lý của HS phù hợp với nghề	4,10	8	3,95	8	4,03	8
8	Tìm hiểu về năng lực của HS phù hợp với nghề	4,16	5	4,14	6	4,15	5
9	Tìm hiểu về xu hướng, sở thích nghề của HS	4,12	6	4,16	5	4,14	6
10	Tìm hiểu về tính cách của HS phù hợp với nghề	4,11	7	3,99	7	4,05	7
ĐTB		4,13		3,99		4,06	

nghề cơ bản. Tuy nhiên, thông tin về các trường đào tạo cụ thể và đầy đủ hơn; những thông tin liên quan đến tình hình nhu cầu nguồn nhân lực ở Hà Nội hoặc trên toàn quốc thường rất ít hoặc không có (do quá thiếu tài liệu; thiếu nguồn thông tin chính thống và đầy đủ,...).

2) Đánh giá của HS (xem bảng 3).

Bảng 3. Đánh giá của HS về mức độ thực hiện nội dung GDHN

TT	Nội dung	Nội thành		Ngoại thành		Khối lớp							
		\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB	10		11		12		Tổng số	
						\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB	\bar{X}	ĐTB
1	Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai	3,23	1	3,23	1	3,09	1	3,09	1	3,5	1	3,23	1
2	Các ngành nghề trong xã hội	3,11	2	3,06	2	2,95	3	2,92	3	3,37	3	3,08	2
3	Những yêu cầu, đặc điểm của các nghề	2,93	4	3,02	3	2,77	2	2,79	4	3,34	5	2,97	3
4	Những thông tin tuyển sinh ở các trường đại học, cao đẳng	3,03	3	2,89	4	2,45	8	3,01	2	3,42	2	2,96	4
5	Tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	2,83	8	2,81	7	2,72	6	2,76	5	2,97	9	2,82	7
6	Nhu cầu thị trường lao động của xã hội, địa phương	2,58	10	2,66	10	2,29	9	2,68	8	2,87	10	2,62	10
7	Tìm hiểu về năng lực của HS phù hợp với nghề	2,92	5	2,86	5	2,66	4	2,71	6	3,3	6	2,89	5
8	Tìm hiểu về xu hướng, sở thích nghề của HS	2,91	6	2,85	6	2,57	5	2,7	7	3,37	4	2,88	6
9	Tìm hiểu về tính cách của HS phù hợp với nghề	2,87	7	2,73	9	2,49	7	2,61	10	3,29	7	2,8	8
10	Tìm hiểu đặc điểm sinh lý của HS phù hợp với nghề	2,80	9	2,73	8	2,57	10	2,63	9	3,08	8	2,76	9
Tổng ĐTB		2,92		2,88		2,66		2,79		3,25		2,90	

Bảng 3 cho thấy: HS đánh giá mức độ thực hiện

nội dung giáo dục trong nhà trường ở mức trung bình (ĐTĐ: 2,9). Các em cũng được GV cung cấp nhiều về kiến thức liên quan đến nghề như: liệt kê các ngành nghề có ở trong xã hội; đặc điểm yêu cầu của các nghề (tuy không đầy đủ vì GV chỉ có nhiều thông tin về những nghề “quen thuộc” như dạy học, y tế, xây dựng... mà rất ít thông tin về những ngành nghề mới).

Bảng 3 cũng cho thấy: HS nội thành đánh giá sự thực hiện các nội dung cao hơn sự đánh giá của HS ngoại thành (2,92 điểm và 2,88 điểm); các nội dung GDHN được HS khu vực nội thành đánh giá mức độ thực hiện cao hơn. Tuy nhiên cũng có những nội dung GDHN được HS ngoại thành đánh giá cao hơn so với đánh giá của HS nội thành như: những yêu cầu, đặc điểm của các nghề và tình hình phát triển kinh tế của đất nước và địa phương.

Sự đánh giá của HS các khối cũng có sự khác nhau: khối 10 (2,66 điểm), khối 11 (2,79 điểm) và khối 12 (3,25 điểm). Như vậy, sự chênh lệch giữa khối 12 và các khối khác có sự khác biệt rất lớn. Lí do: HS lớp 12 ý thức được sự “lựa chọn nghề” là một trong những hoạt động chủ đạo của bản thân, do vậy GV cung cấp thông tin, trao đổi về nội dung này cũng nhiều hơn so với các khối khác,... Tuy nhiên, theo chúng tôi, cả 3 khối 10, 11, 12 đều nên được GV coi trọng yêu cầu “lựa chọn nghề” chứ không phải chỉ riêng với HS lớp 12.

Như vậy, GV đánh giá mức độ thực hiện các nội dung GDHN cao hơn so với đánh giá của HS. Tuy nhiên, trong đánh giá “thứ bậc” thực hiện các nội dung thì cả GV và HS có sự đồng nhất: những nội dung liên quan đến ngành nghề, trường đào tạo... được đánh giá ở mức độ cao hơn so với những nội dung liên quan đến việc tìm hiểu các đặc điểm tâm lí của HS và các thông tin về thị trường lao động. Điều này bắt nguồn từ thực tế: công tác dự báo về thị trường lao động, nhân lực của đất nước (như: xã hội đang cần nhân lực ở lĩnh vực nào? ngành nghề nào đang thiếu, thừa...) còn rất nhiều hạn chế, khiến GV và HS rất khó kiếm tìm những thông tin đó (nếu có, cũng chỉ có thể tìm được một vài thông tin “dự báo” về những ngành nghề đang “có tiếng” như ngân hàng, kinh tế, tài chính,...).

Có thể thấy, GV và HS đều nhận thức được sự cần thiết của GDHN trong nhà trường. HS có được những tri thức về thế giới nghề nghiệp và thông tin về hệ

thống các trường đào tạo. GV đã thực hiện đầy đủ nội dung GDHN trong nhà trường ở mức độ cao, nhất là ở nội dung “Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai” và “Các ngành, nghề trong xã hội”. Đây chính là những cơ sở ban đầu để đề xuất các biện pháp GDHN ở nhà trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Danh Ánh. **Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam**. NXB Văn hóa thông tin, H. 2010.
2. *Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.*
3. Lê Thị Thanh Hương (chủ biên). **Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông - thực trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế**. NXB Khoa học xã hội, H. 2010.
4. Nguyễn Văn Hộ - Nguyễn Thị Thanh Huyền. **Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và giảng dạy kĩ thuật trong trường trung học phổ thông**. NXB Giáo dục, H. 2006.
5. Phùng Đình Mẫn (chủ biên). **Một số vấn đề cơ bản về hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông**. NXB Giáo dục, H. 2005.
6. *Quyết định 126/CP của Chính phủ về “Công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông và việc sử dụng hợp lí học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tốt nghiệp ra trường” kí ngày 19/3/1981.*
7. Bùi Đức Thiệp. “*Điều tra xu hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông*” (Báo cáo tổng kết nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Viện), 2009.

SUMMARY

This study has conducted with 2131 students and 217 teachers in 08 high schools in Hanoi. In-depth interviews and questionnaire surveys are the two main research methodologies which are used to understand the current status in vocational education of secondary schools by professional consultation. The results show that the teachers and the students are aware of the necessity of vocational education in high schools. Moreover, the teachers evaluate that vocational education has achieved high level goals and the highest goal is students' knowledge about the careers and training systems. Along with the implementation of the objectives, the teachers have taken fully vocational educational contents in high schools at the high levels. The highest level content has been implemented is that the significance and the importance of future career choices and fields in the society.